

PHIẾU THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

INVESTOR INFORMATION

Loại tài khoản: Cá nhân / *Individual*
Account type

Số tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ <i>Account No.</i>								
1	Họ tên Nhà Đầu tư: <i>Full name</i>							
2	Quốc tịch: <i>Nationality</i>	☐ Việt Nam <i>Vietnam</i>	☐ Khác <i>Others</i>					
3	Tên tổ chức nơi làm việc <i>Working place</i>					Vị trí công tác <i>Position</i>		
4	Địa chỉ nơi làm việc <i>Working address</i>					Điện thoại <i>Phone</i>		
5	Ngành nghề kinh doanh <i>Business sector</i>							
6	Vốn sẵn sàng đầu tư: <i>Capital for trading</i>	☐ < 200 triệu đồng <i><200 millions VND</i>	☐ 200 triệu - 1 tỷ đồng <i>200 mio. - 1 bio. VND</i>	☐ >1 tỷ - 3 tỷ đồng <i>>1 bio. - 3 bio. VND</i>	☐ > 3 tỷ đồng <i>>3 bio. VND</i>			
7	Thời gian dự định đầu tư: <i>Proposed investment time</i>	☐ < 1 năm <i><1 year</i>	☐ 1 - 2 năm <i>1-2 years</i>	☐ 3 - 5 năm <i>3-5 years</i>	☐ >5 năm <i>>5 years</i>			
8	Hiểu biết về đầu tư: <i>Investment Background</i>	☐ Chưa hiểu gì <i>Not yet</i>	☐ Còn nhiều hạn chế <i>In limitation</i>	☐ Tốt <i>Good</i>	☐ Rất tốt <i>Very well</i>			
9	Kinh nghiệm đầu tư chứng khoán <i>Securities Trading Experience</i>	☐ Chưa có gì <i>Not yet</i>	☐ Cổ phiếu <i>Stocks</i>	☐ Trái phiếu <i>Bonds</i>	☐ Phái sinh <i>Derivatives</i>			
10	Số năm đầu tư chứng khoán <i>Years of investment in securities</i>	☐ dưới 2 năm <i><2 years</i>	☐ từ 2 năm trở lên <i>2 years or more</i>					
11	Giá trị danh mục chứng khoán đang nắm giữ <i>The value of portfolio in securities being hold</i>	☐ dưới 2 tỷ đồng <i>< 2 bio. VND</i>	☐ 2 tỷ - 5 tỷ đồng <i>2 bio. - 5 bio. VND</i>	☐ trên 5 tỷ đồng <i>>5 bio. VND</i>				
12	Mục tiêu đầu tư: <i>Target</i>	Tỷ lệ lợi nhuận bình quân hàng năm <i>Average annual earning yeild</i> %						
13	Thói quen đầu tư: <i>Decision base</i>	☐ Quyết định cá nhân <i>Personal Decision</i>	☐ Đầu tư theo người thân <i>Based on relatives</i>	☐ Tư vấn hỗ trợ <i>In consultancy</i>				
14	Mức độ chấp nhận rủi ro <i>Risk tolerance</i>	☐ Thấp <i>Low</i> %	☐ Trung bình <i>Medium</i> %	☐ Cao <i>High</i> %				
15	Sở thích giao dịch <i>Types of communication</i>	☐ Gặp mặt trực tiếp <i>Face to face</i>	☐ Giao dịch trực tuyến bằng thiết bị <i>Online by devices</i>					
		☐ Laptop <i>Laptop</i>	☐ Máy tính bảng <i>Tablet</i>	☐ Điện thoại di động <i>Smart phone</i>	☐ Máy tính để bàn <i>Desktop</i>			
16	Phân bổ lợi tức <i>Return allocation</i>	☐ Tái đầu tư <i>Reinvestment</i>	☐ Lợi tức bằng tiền mặt <i>Return by cash</i>	☐ Lợi tức bằng chứng chỉ quỹ <i>Return by certificates of fund</i>				
17	Mức thu nhập trung bình hàng tháng: <i>Average of monthly income</i>	☐ < 10 triệu đồng <i><10 millions VND</i>	☐ 10 triệu - 20 triệu đồng <i>10 mio. - 20 mio. VND</i>	☐ >20 triệu - 50 triệu đồng <i>>20 mio. - 50 mio. VND</i>	☐ > 50 triệu đồng <i>>50 millions VND</i>			
18	Chứng chỉ hành nghề (CCHN) kinh doanh chứng khoán hiện có <i>Certificate of securities practitioner in available</i>	.. CCHN Môi giới chứng khoán <i>Securities brokerage practising certificate</i>		.. CCHN Phân tích tài chính <i>Financial analysis practising certificate</i>				
		.. CCHN Quản lý quỹ <i>Fund management practising certificate</i>		.. Không có <i>None</i>				
Quý khách có phải là người nhận ủy thác của bất kỳ cá nhân/ tổ chức ở nước ngoài hay không? <i>Are you a trustee of domestic/foreign trust?</i>				Có <i>Yes</i>	..	Không <i>No</i>	..	
Trong trường hợp Quý khách trả lời Có cho câu hỏi trên, vui lòng hoàn thành Phụ Lục I của Giấy đề nghị này <i>If you have answered "Yes" to question above, please fill in Appendix I of this Application</i>								

Tôi/chúng tôi xin cam đoan rằng tất cả các thông tin được đưa ra trong đơn này và tất cả các tài liệu cung cấp kèm theo đơn này là đúng sự thật và chính xác. Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm với tất cả các thông tin đã được đưa ra trong đơn này và tất cả các tài liệu cung cấp kèm theo.

I/we hereby declare that all information given in this form and all documents provided to support this form are true and accurate. I/we am/are responsible for all information given in this form and all documents provided to support this form.

Nhà Đầu tư /Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên/ *signed, stamp, full name*)

NgàyTháng.... Năm
Date.....month.....year.....

FOREIGN TRUST INFORMATION/ THÔNG TIN BÊN ỦY THÁC NƯỚC NGOÀI		
A. DECLARATION/PHẦN KÊ KHAI		
1. FOR INDIVIDUAL/BÊN ỦY THÁC LÀ CÁ NHÂN		
Name (Mr./Miss/Mrs.)..... Tên (Ông/Bà)		
Date of Birth: Ngày tháng năm sinh	Nationality: Quốc tịch	Resident ☐ Non Resident ☐ Cư trú Không cư trú
ID/PP number: Số CMT/Thẻ CCCD/Hộ chiếu	Date of issue..... Ngày cấp	Country of issue: Nơi cấp (Quốc gia)
Current Address:Country: Địa chỉ hiện tại Quốc gia		
Permanent Address:Country: Địa chỉ thường trú Quốc gia		
Mailing Address:Country: Địa chỉ thư tín Quốc gia		
Contact number : Thông tin liên lạc:		
Phone Number: 1/ Home: 2/ Business: 3/ Mobile: Số điện thoại Nhà Cơ quan Di động		
Fax: Email: Other/Khác:		
Occupation:..... Position:..... Employer:..... Nghề nghiệp Vị trí Công ty		
Relationship with the entrusting party: Mối quan hệ với bên ủy thác		
2. FOR ORGANIZATION/BÊN ỦY THÁC LÀ TỔ CHỨC		
Entity Name Tên Tổ chức		
Business registration number: Giấy phép kinh doanh	Date of issue..... Ngày cấp	Country of issue: Nơi cấp (Quốc gia)
Head Office Address:Country: Địa chỉ trụ sở chính Quốc gia		
Business Address:Country: Địa chỉ giao dịch Quốc gia		
Scope of Business: Ngành nghề kinh doanh		
Phone Number:Fax:Email: Website: Số điện thoại Fax Hộp thư điện tử Trang mạng điện tử		
Relationship with the entrusting party: Mối quan hệ với bên ủy thác		
Type of Entity/Loại hình tổ chức: ☐ Complex Corporation/Tổ chức phức hợp ☐ Foreign Govt. Organization/ Tổ chức Chính phủ Nước ngoài ☐ Local Regulated Company/Doanh nghiệp Chính sách địa phương ☐ Non-Listed Company/Công ty Chưa Niêm Yết ☐ State Enterprise/Doanh nghiệp nhà nước ☐ Sole-Proprietorship/ Doanh nghiệp tư nhân ☐ Foundation/Quỹ ☐ Listed Company/Công ty Niêm yết ☐ Partnership/Công ty Hợp danh		
B. TRUST INFORMATION/THÔNG TIN ỦY THÁC		
Date of the trust agreement: /..... /..... Ngày/tháng/năm văn bản Ủy Thác/Ủy quyền	Identity number of the entrustment: Số định danh văn bản Ủy Thác/Ủy quyền	
Contents of the trust agreement: Nội dung Ủy thác/Ủy quyền		
The value of the entrusted money or asset:..... Giá trị tiền, tài sản được ủy thác, ủy quyền		
INFORMATION ON BENEFICARY, RELATED INDIVIDUALS, ORGANIZATIONS (IF ANY):		
INDIVIDUAL/CÁ NHÂN		ORGANIZATION/TỔ CHỨC

1. Name (Mr./Miss/Mrs.)..... Tên (Ông/Bà) Date of Birth: Ngày tháng năm sinh Nationality: Quốc tịch Resident ☐ Non-resident ☐ Người cư trú Người không cư trú ID/PP number: Số CMT/Thẻ CCCD/Hộ chiếu Date of issue..... Ngày cấp Country of issue: Nơi cấp (Quốc gia) Permanent Address: Địa chỉ thường trú Country/ Quốc gia: Relationship with the entrusting party: Mối quan hệ với bên ủy thác	1. Entity Name Tên Tổ chức Business registration number: Giấy phép kinh doanh Date of issue..... Ngày cấp Country of issue: Nơi cấp (Quốc gia) Current Address: Địa chỉ hiện tại Country/ Quốc gia: Scope of Business: Ngành nghề kinh doanh Relationship with the entrusting party: Mối quan hệ với bên ủy thác
2. Name (Mr./Miss/Mrs.)..... Tên (Ông/Bà) Date of Birth: Ngày tháng năm sinh Nationality: Quốc tịch Resident ☐ Non-resident ☐ Người cư trú Người không cư trú ID/PP number: Số CMT/Thẻ CCCD/Hộ chiếu Date of issue..... Ngày cấp Country of issue: Nơi cấp (Quốc gia) Permanent Address: Địa chỉ thường trú Country/ Quốc gia: Relationship with the entrusting party: Mối quan hệ với bên ủy thác	2. Entity Name Tên Tổ chức Business registration number: Giấy phép kinh doanh Date of issue..... Ngày cấp Country of issue: Nơi cấp (Quốc gia) Current Address: Địa chỉ hiện tại Country/ Quốc gia: Scope of Business: Ngành nghề kinh doanh Relationship with the entrusting party: Mối quan hệ với bên ủy thác